



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 329/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà máy Mã số/Code: 240524/54
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Công ty CPCN Quỳnh Lưu
Xã Quỳnh Bá, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,56
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	2,21
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,82
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm
The test result are printed in 03 documents, 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
- *Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
- **Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,79
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	78
14	Fluor (F ⁻)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,087
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,068
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	4,66
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	99
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHONG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 330/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240524/55
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Xe bồn Bệnh viện Quang Thành
Xã Quỳnh Hồng, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,4
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,75
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,79
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng. 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents. 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,6
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	80
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,094
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,101
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	4,66
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	101
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA **PHÓ GIÁM ĐỐC**
HEAD OF DEPARTMENT **VICE DIRECTOR**


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO IEC 17025: 2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 331/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240524/56
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Đình Duẩn
Xóm 6, Xã Quỳnh Hồng, Huyện Quỳnh Lưu Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,39
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	2,17
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,78
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,22
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	80
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,092
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,083
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	4,64
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	100
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 323/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà máy **Mã số/Code:** 240522/48
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Công ty TNHH cấp nước Hoàng Mai
Phường Quỳnh Vinh – Thị xã Hoàng Mai – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 16h00 ngày 18/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,78
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,32
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,64
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,66
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	13,47
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	66
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,113
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,167
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0.3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	4,98
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	96
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA PHÓ GIÁM ĐỐC
HEAD OF DEPARTMENT VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng. 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO IEC 17025:2017
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 324/PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240522/49
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Bất động sản Phát Thịnh
Xóm 13 – Phường Quỳnh Vinh – Thị xã Hoàng Mai
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,64
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,05
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,68
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,15
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	13,83
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	68
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,116
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,175
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	5,13
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	98
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

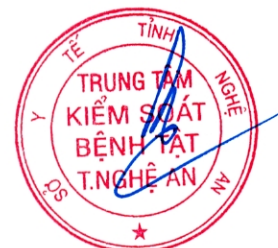
PHONG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA PHÓ GIÁM ĐỐC
HEAD OF DEPARTMENT VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản tra cho khách hàng. 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 325/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà dân **Mã số/Code:** 240522/50
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Giày dép Tuần Tư
Khối Thịnh Mỹ – Phường Quỳnh Thiện - Thị xã Hoàng Mai
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 16h00 ngày 18/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,53
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,07
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,69
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,79
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	13,83
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	70
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,117
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,208
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	5,15
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	100
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHONG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO IEC 17025: 2017 *Tests area ccredited ISO IEC 17025: 2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 332/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà máy **Mã số/Code:** 240525/57
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Trạm cấp nước xã Quỳnh Đôi
Xóm 8, Xã Quỳnh Đôi, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 16h00 ngày 18/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,7
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,34
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,99
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
- *Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area credited ISO IEC 17025:2017
- **Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,47
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	12,76
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	86
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,094
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,221
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	6,44
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	116
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area credited ISO IEC 17025:2017
6** Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 304/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà dân **Mã số/Code:** 240525/58
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Trịnh Thế Hùng
Xóm 5, Xã Quỳnh Đôi, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 16h00 ngày 18/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,68
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,09
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,94
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Testis area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Testis are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,15
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	12,76
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	88
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,089
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,322
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	6,48
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	118
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chi tiêu được công nhận ISO IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO IEC 17025:2017
6** Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 334/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240525/59
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Hoàng Trung Phúc
Xóm 6, Xã Quỳnh Đôi, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,54
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,08
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,98
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,09
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	86
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,091
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,343
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	102
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHONG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA PHÓ GIÁM ĐỐC
HEAD OF DEPARTMENT VICE DIRECTOR



Dương Thị Thảo



Trần Thị Quyên



Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chi tiêu được công nhận ISO IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO IEC 17025:2017
6** Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 320/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà máy Mã số/Code: 240521/45
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nhà máy nước Diên Hồng
Khởi Bắc, Xã Diên Hồng, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2023
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	1,0
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,3
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,96
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents. 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,22
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	5,32
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	92
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,108
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,104
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500- FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	5.88
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	114
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm.
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 321/PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240521/46
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Hồng Phương
Xóm Ái Quốc, Xã Diễn Hồng, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2023
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,75
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,26
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,94
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tesis area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tesis are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,54
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	92
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,106
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,114
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500- FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	5,8
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	114
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA PHÓ GIÁM ĐỐC
HEAD OF DEPARTMENT VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 332/PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240521/47
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Văn Thiên
Khởi Trung Hồng, Xã Diễn Hồng, Huyện Diễn Châu,Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2023
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 27/05/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,71
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,29
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	8,0
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng. 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tesis area credited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tesis are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,28
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	94
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,110
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,177
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500- FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	5,82
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	116
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 27 tháng 5 năm 2024

PHONG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 326/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà máy **Mã số/Code:** 240523/51
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Trạm cấp nước xã Quỳnh Thanh
Xóm 8, Xã Quỳnh Thanh, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 16h00 ngày 18/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	2,4
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,76
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,49
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,41
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	16,31
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	80
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,177
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,141
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	5,23
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	113
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA PHÓ GIÁM ĐỐC
HEAD OF DEPARTMENT VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh




1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO/IEC 17025: 2017
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 327/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240523/52
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Chính
Xóm 8, Xã Quỳnh Thanh, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	14
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,14
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	2,67
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,43
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer: 01 document is stored at Testing Department
5* Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	2,18
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	12,76
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	88
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,178
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,126
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	5,41
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	118
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH: Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHONG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Dương Thị Thảo



Trần Thị Quyên



Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
5* Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 328/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240523/53
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Lê Văn Giáo
Xóm 8, Xã Quỳnh Thanh, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	84
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	4
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,08
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,68
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,44
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10					

- 1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Departemnt
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
12	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,28
13	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	13,12
14	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	78
15	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,176
16	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,150
17	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	< 0,01
18	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
19	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	5,5
20	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
21	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	108
	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 317/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà máy Mã số/Code: 240520/42
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Công ty CPCN Diễn Châu
Xã Diễn Ngọc, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hãng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,9
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,54
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,31
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	2,82
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	70,45
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	86
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,234
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,322
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	18,83
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0.001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	188
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHONG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 318/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240520/43
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Văn Sơn
Xóm Ngọc Văn, Xã Diễn Ngọc, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 18/05/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,53
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,24
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6.0 – 8,5	7,3
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
5*. Chi tiêu được công nhận ISO 15189:2013 *Tests are accredited ISO 15189:2013
6**. Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	2,88
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	70,19
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	94
14	Fluor (F^-)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,234
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,356
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	18,76
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	196
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

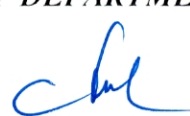
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Dương Thị Thảo



Trần Thị Quyên



Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 319/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà dân **Mã số/Code:** 240520/44
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Cửa hàng Hưng Hương
Xóm Ngọc Tân, Xã Diễn Ngọc, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 16h00 ngày 18/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Cn Hằng – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ ngày 18/05/2024 đến 28/05/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,77
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,39
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,33
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *Chỉ tiêu được công nhận ISO IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO IEC 17025:2017
- 6**Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	3,2
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	70,19
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	96
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,234
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,341
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	18,67
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	198
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

PHONG KIỂM NGHIỆM
LAB
HOA-CHEMICAL VI SINHMICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- * Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 **Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- 6** Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors